

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 1390/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 9 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Khanh.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 486/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2024, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 486/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Tú A, sinh năm 1991; địa chỉ: 25/52 đường N, ấp C, xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1988; địa chỉ: 61/7A ấp A, xã X2, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 02/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Tú A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện chung sống từ năm 2015, được Ủy ban nhân dân xã X2, huyện Hóc Môn cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 158 ngày 09/9/2016. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng về lối sống, suy nghĩ, hành xử, công việc, trách nhiệm, giáo dục con cái. Bà đã nộp đơn xin ly hôn vào tháng 11/2022 nhưng rút đơn để tạo cơ hội. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, bà không còn tình cảm với ông T nên xin được ly hôn để ổn định cuộc sống. Vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Hoàng K sinh ngày 04/12/2016 và Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 10/3/2021. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Vợ chồng bà không có nợ chung và tài sản chung.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng; đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp; bà A xin ly hôn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài; không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ; bà A trình bày là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con; con chung sinh năm 2016 có nguyện vọng được chung sống với bà A; Ông T được tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên đây là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà A và ông T được Ủy ban nhân dân xã X2, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn 158 ngày 09/9/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà A xin ly hôn do vợ chồng sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, bà không còn tình cảm với chồng. Tòa án đã nhiều lần động viên đoàn tụ vợ chồng nhưng không thành.

Ông T không phản hồi ý kiến dù đã trực tiếp nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không có thiện chí hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ, bỏ mặc mâu thuẫn vợ chồng.

Tại biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện Ban nhân dân ấp A (nay là ấp 37), xã X2 xác định địa phương không nắm rõ mâu

thuần vợ chồng bà A và ông T do không nhận được trình báo.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông T xảy ra trong thời gian dài, không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ, khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.2] Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Căn cứ lời khai của bà A kèm bản sao Trích lục khai sinh số 49/TLKS-BS ngày 12/01/2017, bản sao Giấy khai sinh số 601 ngày 02/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã X2, huyện Hóc Môn, có căn cứ xác định vợ chồng bà A và ông T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng K sinh ngày 04/12/2016 và Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 10/3/2021.

Bà A yêu cầu được nuôi nuôi 02 chung là phù hợp thực tế bà A đang là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Ghi nhận việc bà A tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

[6] Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Ông T không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm.

[7] Phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc giải quyết vụ án là cùng quan điểm với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là bà Nguyễn Tú A phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Tú A:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Tú A được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Hoàng K sinh ngày 04/12/2016 và Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 10/3/2021.

Giao cho bà Nguyễn Tú A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Hoàng K sinh ngày 04/12/2016 và Nguyễn Ngọc Hoàng K sinh ngày 10/3/2021. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Ngọc T cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: Ghi nhận bà Nguyễn Tú A trình bày không có.

- Về tài sản chung: Ghi nhận bà Nguyễn Tú A trình bày không có.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Tú A phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0024630 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà Nguyễn Tú A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã X2, huyện Hóc Môn, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Văn Huy

